

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Cao;
- Bà Dương Thị Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 442/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C L, sinh 1999. Địa chỉ: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Đặng B S, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An

(Bà L vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 26/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C L trình bày: Bà L và ông S tự quen biết nhau, S khi được hai bên gia đình đồng ý nên năm 2019 ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 12/7/2019. S khi cưới, ông bà sống chung tại xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được, bà L đã về nhà mẹ ruột từ năm 2023 cho đến nay. Nay vợ chồng không

còn tình cảm nên bà L yêu cầu ly hôn với ông S . Về con chung, ông bà có 01 con chung tên Đặng Bá K, sinh ngày 06/3/2020 hiện đang sống chung với bà L , khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng B S : Ông S vắng mặt, không cung cấp cho Tòa án ý kiến trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

S khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị C L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng B S . Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Bà Nguyễn Thị C L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Đặng B S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án xem xét đến.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Bà Nguyễn Thị C L và ông Đặng B S xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 12/7/2019 tại UBND xã Th đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày, S một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng không còn hạnh phúc. Ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, vợ chồng không còn gặp mặt, không còn quan tâm chăm sóc nhau. S khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông S các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L , không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L .

[2.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà L cùng các chứng cứ do bà L cung cấp thì ông bà có 01 con chung tên Đặng Bá K, sinh ngày 06/3/2020 hiện đang sống cùng bà L . Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp; tổng đạt các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án này, kể cả yêu cầu về nuôi con chung. Mặt khác, từ khi ông bà ly thân, con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà L chăm sóc con chung được đảm bảo hơn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, giao bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S vắng mặt, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông S vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu các đương sự tranh chấp và có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị C L đối với bị đơn ông Đặng B S .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C L được ly hôn với ông Đặng B S .

1.2 Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị C L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Bá Khôi, sinh ngày 06/3/2020. Ông Đặng B S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên,

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà Nguyễn Thị C L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007173 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An; Bà Nguyễn Thị C L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Th, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (GCNKH số 52 ngày 12/7/2019);
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy